

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ LỰA CHỌN NGÀNH HỌC Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC: NGHIÊN CỨU TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

● HÀ VĂN SỸ - PHẠM THỊ OANH

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành học ở trường đại học nói chung và ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) tại Trường Đại học Công đoàn nói riêng. Thông qua nghiên cứu định lượng, nghiên cứu đã chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn bao gồm: Yếu tố cá nhân sinh viên; Nhóm tham khảo; Chương trình đào tạo và hoạt động hỗ trợ; Chi phí học tập; Chất lượng và danh tiếng; Lợi thế địa phương; Ý định chọn học ngành QTKD; Yếu tố nhân khẩu học.

Từ khóa: nhân tố ảnh hưởng, ngành học, quản trị kinh doanh, Trường Đại học Công đoàn.

1. Đặt vấn đề

Trong thời kỳ toàn cầu hóa, nhu cầu ngày càng gia tăng đối với các nhà quản lý, giám đốc điều hành và các chuyên gia được đào tạo. Điều này đã tạo sự quan tâm mới đối với giáo dục ngành QTKD.

Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong 3 năm gần đây, QTKD là ngành luôn thu hút số lượng lớn hồ sơ đăng ký của sinh viên, chiếm khoảng 10% đăng ký mỗi năm và trung bình mỗi năm sẽ có hơn 10.000 sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD.

Ngành QTKD của Trường Đại học Công đoàn đã được triển khai đào tạo từ năm 1992. Trước sự cạnh tranh giữa các trường đại học công lập và tư

thực theo xu hướng phát triển chung của Việt Nam, nên việc xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chọn ngành QTKD tại Trường Đại học Công đoàn là rất cần thiết. Từ đó, có thể nâng cao hiệu quả trong công tác tuyển sinh cũng như nâng cao chất lượng dạy và học của Trường hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Đào tạo ngành học là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ ngành học cần thiết cho người học để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học. Gồm đào tạo ban đầu, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, cập nhật và đào tạo liên quan đến

công việc chuyên môn hóa. Trong khoảng một thập kỷ trở lại đây, vấn đề toàn cầu hóa và sự ra đời của một trật tự thương mại thế giới mới đã dẫn đến nhu cầu tăng lên đối với các nhà quản lý kinh doanh được đào tạo trên toàn thế giới. Tác động này cũng đã lan sang Việt Nam. Do đó, giáo dục về quản lý kinh doanh cũng có tầm quan trọng đặc biệt trên toàn cầu nhằm tạo ra các chuyên gia quản lý kinh doanh (Gomez-Samper, 2009; Starkey và Tiratsoo, 2007).

Chi phí đào tạo ngành QTKD trên thế giới hiện đang ngày càng cao khiến các bậc cha mẹ thuộc tầng lớp trung lưu khó cho con cái theo học tại các cơ sở đào tạo có uy tín (Riasat và cộng sự, 2011). Đào tạo ngành QTKD là một ngành kinh doanh lớn và sinh lợi cho nhiều trường đại học. Phân tích xu hướng của 3 năm trước và tính đến số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD được đào tạo bởi các trường kinh doanh hàng đầu trên thế giới cho thấy, đây là một nguồn thu nhập chính cho hầu hết các chương trình giáo dục (Thomas, 1973). Trong thập kỷ trước, mọi người thường theo học quản lý kinh doanh vì có sự đảm bảo về việc làm. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, tỷ lệ việc làm giảm, cơ hội việc làm cho sinh viên mới tốt nghiệp trở thành vấn đề được quan tâm nhiều hơn (Jamillee, 2011). Mặc dù nhiều trường đã xuất hiện nhiều lĩnh vực đào tạo kinh doanh hơn, nhiều ngành hơn nhưng xu hướng thị trường gần đây đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xem xét lại mục đích của các trường kinh doanh và vai trò của chúng trong phát triển kinh tế và xã hội (Gomez-Samper, 2009).

Theo Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê (2021), giáo dục có nghĩa là “Hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần có những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra”, còn nếu là một danh từ, giáo dục còn được hiểu là “Hệ thống các biện pháp và cơ quan giảng dạy - giáo dục của một nước”. Theo Từ điển tiếng Việt của Nguyễn Lâm (2006), giáo dục là “Quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch nhằm bồi dưỡng cho người ta những phẩm chất đạo đức, những tri thức cần thiết về tự nhiên và xã hội, cũng như những kỹ năng, kỹ xảo

cần thiết trong đời sống”. Bên cạnh đó, Đại Từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý cũng chỉ ra “Giáo dục là quá trình tác động có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của con người, để họ dần dần có được những phẩm chất và năng lực như yêu cầu đề ra”. Theo từ điển Giáo dục học của Bùi Hiền (2002), “Giáo dục là hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ bằng tri thức và khái niệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia hoạt động sản xuất và đời sống xã hội”.

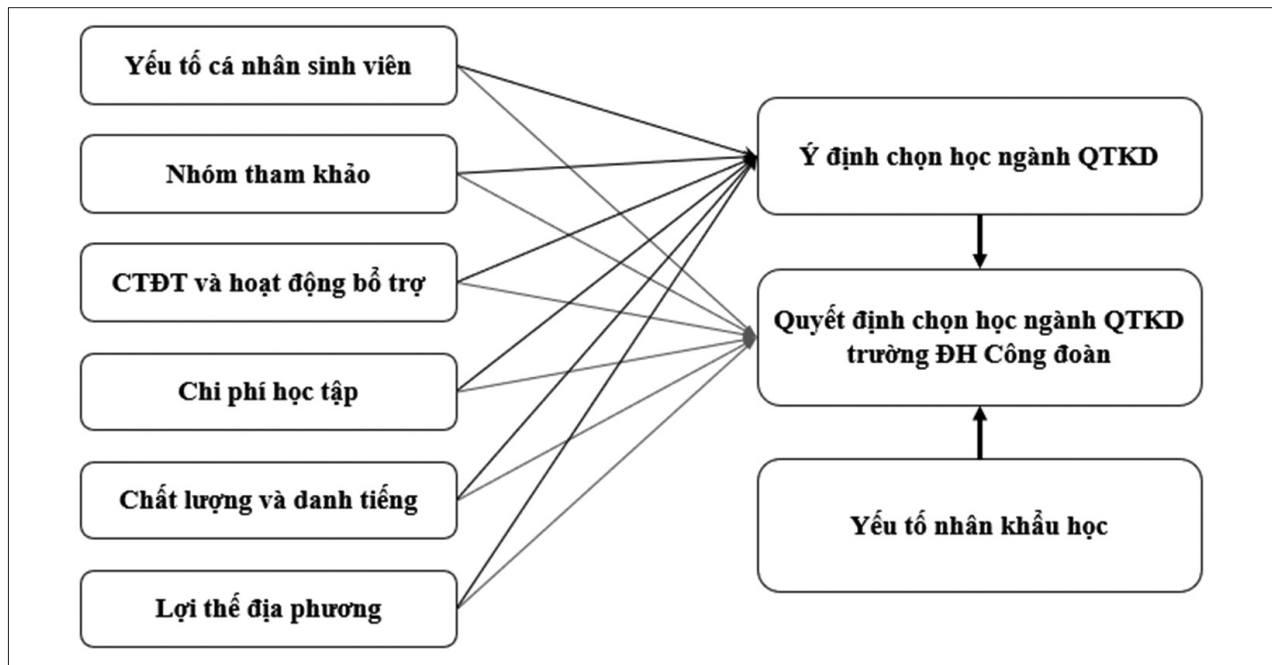
Luật Giáo dục Việt Nam năm 2019 và các năm trước đó không định nghĩa giáo dục là gì nhưng có quy định về mục tiêu của giáo dục: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”.

Ngoài ra, một số định nghĩa liên quan như: “Giáo dục chính quy là giáo dục theo khóa học trong cơ sở giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được thiết lập theo mục tiêu của các cấp học, trình độ đào tạo và được cấp văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân”; “Giáo dục thường xuyên là giáo dục để thực hiện một chương trình giáo dục nhất định, được tổ chức linh hoạt về hình thức thực hiện chương trình, thời gian, phương pháp, địa điểm, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học”; và “Giáo dục bắt buộc là giáo dục mà mọi công dân trong độ tuổi quy định bắt buộc phải học tập để đạt được trình độ học vấn tối thiểu theo quy định của pháp luật và được Nhà nước bảo đảm điều kiện để thực hiện”.

2.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Từ những tài liệu lược khảo nghiên cứu trước đây kết hợp với nghiên cứu định tính, nhóm tác giả

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất



đề xuất 8 yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành QTKD ở Trường Đại học Công đoàn theo mô hình đề xuất như Hình 1

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong giai đoạn xây dựng bảng câu hỏi. Nhóm nghiên cứu tiến hành xây dựng bảng hỏi và hiệu chỉnh bảng câu hỏi khảo sát cuối cùng dựa vào kết quả khảo sát sơ bộ. Thang đo Likert bám sát với tình hình thực tiễn của mỗi nhân tố trong bảng hỏi cuối cùng được sử dụng 5 mức độ: (1) Rất không ảnh hưởng, (2) Không ảnh hưởng, (3) Trung lập, (4) Có ảnh hưởng, (5) Rất có ảnh hưởng, tương ứng với thang điểm từ 1 điểm đến 5 điểm.

Bảng câu hỏi được thiết kế bao gồm: Yếu tố cá nhân sinh viên, Nhóm tham khảo; Chương trình đào tạo và hoạt động bổ trợ; Chi phí học tập; Chất lượng và danh tiếng; Lợi thế địa phương; Ý định chọn học ngành QTKD; Yếu tố nhân khẩu học.

Dữ liệu được thu thập từ 350 sinh viên đang theo học ngành QTKD năm thứ nhất của Trường Đại học Công đoàn. Thời gian khảo sát là từ tháng 10/2023 đến tháng 2/2024.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả điều tra chính thức tại khoa QTKD

Trường Đại học Công đoàn với 350 phiếu điều tra phát đi thu về được 330 phiếu điều tra đạt tỷ lệ hồi đáp hợp lệ 94,3% là đảm bảo độ tin cậy của mẫu phiếu điều tra.

Kết quả nghiên cứu được phân tích như trong Bảng 1

4. Kết luận và hàm ý

Kết quả cho thấy, 8 nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn bao gồm: Yếu tố cá nhân sinh viên; Nhóm tham khảo; Chương trình đào tạo và hoạt động bổ trợ; Chi phí học tập; Chất lượng và danh tiếng; Lợi thế địa phương; Ý định chọn học ngành QTKD; Yếu tố nhân khẩu học.

Thứ nhất, yếu tố cá nhân sinh viên: Phần lớn các học sinh đều cho rằng điểm chuẩn trúng tuyển vào ngành được chọn và tỷ lệ chọi là rất quan trọng cho việc chọn trường và ngành học của họ. Bên cạnh đó còn thể hiện sở thích và sự phù hợp với nguyện vọng học tập và nghề nghiệp, điều kiện bản thân và gia đình của bản thân sinh viên khi quyết định chọn ngành học QTKD Trường Đại học Công đoàn.

Thứ hai, nhóm tham khảo: Không thể phủ nhận tại Việt Nam và lối sống, gia đình có ảnh hưởng lớn đến cuộc sống và mỗi quyết định của cá nhân.

Bảng 1. Kết quả của mẫu nghiên cứu chính thức về các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học của sinh viên QTKD Trường Đại học Công đoàn

Nhóm nhân tố ảnh hưởng	Số biến	Kết quả phân tích	Kết luận
1. Yếu tố cá nhân sinh viên	4	$3.28 \geq 2.5$	Chấp nhận
2. Nhóm tham khảo	3	$3.39 \geq 2.5$	Chấp nhận
3. CTĐT hoạt động hỗ trợ	3	$3.50 \geq 2.5$	Chấp nhận
4. Chi phí học tập	3	$3.79 \geq 2.5$	Chấp nhận
5. Chất lượng và danh tiếng	4	$3.50 \geq 2.5$	Chấp nhận
6. Lợi thế địa phương	4	$3.62 \geq 2.5$	Chấp nhận
7. Ý định chọn học ngành QTKD	4	$3.43 \geq 2.5$	Chấp nhận
8. Yếu tố nhân khẩu học	4	$3.42 \geq 2.5$	Chấp nhận

Nguồn: Tổng hợp từ các nghiên cứu của nhóm tác giả

Quan điểm của những người Việt Nam với lối tư duy truyền thống được đúc kết từ kinh nghiệm, góc nhìn của những người đi trước vẫn coi vào đại học là con đường kiến tạo tương lai tốt. Khi người thân hoặc những người quan trọng đối với họ có xu hướng khuyến khích hoặc ưa thích một trường đại học nào đó, họ thường nhận được sự động viên, khích lệ, tán đồng hoặc góp ý của những người xung quanh họ bởi quyết định này không chỉ quan trọng đối với bản thân các em mà đối với cả những người xung quanh họ.

Thứ ba, Chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ: Chương trình đào tạo là một kế hoạch học tập cụ thể được thiết kế để cung cấp kiến thức, kỹ năng và trải nghiệm cho sinh viên trong một lĩnh vực chuyên ngành nhất định. Vì vậy, chương trình đào tạo luôn được nhà trường chú trọng đến chất lượng như lực lượng các nhà khoa học tham gia, thường xuyên bám sát thực tế để hiệu chỉnh các tín chỉ đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tế về chất lượng nguồn nhân lực của xã hội. Có chính sách tiếp nhận những sinh viên giỏi của trường trong các khoa để tạo đội ngũ kế thừa, xem đây là nguồn nhân lực quan trọng để phát triển những kỹ năng mới và tiếp cận những khoa học mới trong tương lai.

Thứ tư, chi phí học tập: Chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn có mức học phí thấp, và phù hợp với điều kiện tài chính của bản thân và gia

đình sẽ giúp sinh viên giảm bớt áp lực tài chính, chuyên tâm vào học tập.

Thứ năm, chất lượng và danh tiếng: Người học khi lựa chọn trường học đều mong muốn được học tại trường có chất lượng tốt cùng uy tín của các nhà khoa học (thầy cô giảng dạy ngành học. Trong phạm vi của nghiên cứu, danh tiếng của Trường Đại học Công đoàn là trường đại học công lập và nằm trong 100 trường đại học danh tiếng tại Việt Nam. Tuy nhiên, ngoài hoạt động quảng bá thông tin của Nhà trường qua Website, Fanpage,... sinh viên chưa có cơ hội để trao đổi hay nhận được sự tư vấn cần thiết, đặc biệt là trong vấn đề tư vấn và định hướng nghề nghiệp. Vì vậy, cần có sự tham gia hoạt động hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, và sự phối hợp chặt chẽ với các trường THPT trong công tác hướng nghiệp.

Thứ sáu, lợi thế địa phương: Trường Đại học Công đoàn nằm sát trục đường trung tâm của thành phố Hà Nội. Điều này cho thấy, người học cảm nhận và biết về “lợi thế địa phương” khá rõ. Đây cũng chính là cơ hội cho sinh viên thực tập môn học và làm thêm ngoài giờ học.

Thứ bảy, ý định đến quyết định chọn ngành QTKD: Ý định chọn ngành QTKD là biến trung gian tác động mạnh và thuận chiều đến quyết định chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn của sinh viên. Điều này phù hợp với thực tiễn tuyển sinh và chọn trường trong một thời gian dài với

nhiều bước tại Việt Nam và ý định/dự kiến chỉ trở thành quyết định chính thức dưới sự tác động của kết quả thi THPT quốc gia. Đây cũng là điểm mới của nghiên cứu góp phần xây dựng được mô hình lý thuyết và đánh giá được thực tiễn quá trình lựa chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn của sinh viên.

Kết quả nghiên cứu còn khẳng định sự phù hợp với lý thuyết hành vi hoạch định, trong đó ý định hành vi là biến số quan trọng trong phán đoán hành vi của cá nhân. Kết quả nghiên cứu còn thống nhất với quan điểm kinh tế học, xã hội học và quan điểm hành vi về sự lựa chọn hợp lý trong tiến trình quyết định chọn ngành QTKD Trường Đại học Công đoàn và tiếp tục khẳng định vai trò của các yếu tố thuộc về sinh viên, yếu tố nhóm tham khảo và yếu

tố thuộc về ngành học đối với việc ra quyết định chọn ngành học Trường Đại học Công đoàn của sinh viên ngành QTKD.

Thứ tám, yếu tố nhân khẩu học: Nghiên cứu đã khẳng định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến quyết định chọn ngành học không giống nhau giữa sinh viên theo giới tính, mức sinh hoạt phí, khu vực sống khác nhau. Theo đó, sinh viên nữ, sinh viên có mức sinh hoạt phí thấp và sinh viên có khu vực sống gần thành phố Hà Nội có xu hướng quyết định học tại Trường Đại học Công đoàn. Sinh sống tại thành phố Hà Nội nói chung và sinh viên nữ nói riêng có xu hướng chọn các phương án an toàn và thuận lợi hơn, trong số đó tập trung vào ngành QTKD có tính ổn định, bởi đây là ngành học ít nặng nhọc hơn các ngành nghề kỹ thuật ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt:

1. Chính phủ (2014), Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 Ban hành Điều lệ trường Đại học.
2. Chính phủ (2021), Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.
3. Quốc hội (2012), Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013; Và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13.
4. Nguyễn Minh Đường (2014), Quản lý chất lượng đào tạo và chất lượng nhà trường theo mô hình hiện đại, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
5. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Kim Chi (2017), Bài báo Giải pháp thu hút sinh viên của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Số 4/2017, trang 109-111.
6. Dương Văn Quảng, Bành Tiến Long, Trịnh Đức Dự (2009), “Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế”, Nxb Thế giới, Hà Nội.
7. Trần Văn Quý và Cao Hào Thi (2009), “Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ, số 12, 87-102.
8. Đỗ Thị Thu Trang (2021), “Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng, số 234, trang 58-69
9. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), “Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS”, Nxb Hồng Đức, TP.HCM
10. Quốc hội (2014), Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ban hành ngày 14/6/2019.

Tiếng Anh:

1. Chapman D. W. (1981). A model of student college choice. The Journal of Higher Education, 52(5), 490-505.
2. Hossler and Gallagher. (1987). Studying college choice: A three - phase model and implication for policy makers. College and University, 2, 207-21.
3. Joseph Sia Kee Ming. (2010). Institutional Factors Influencing Students College Choice Decision in Malaysia: A Conceptual Framework. International Journal of Business and Social Science, 1(3), 53-58.
4. Benjamin Ghansah. (2016). Factors that Influence Students' Decision to Choose a Particular University: A Conjoint Analysis. International Journal of Engineering Research in Africa, 27, 147-157.

Ngày nhận bài: 02/3/2024**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 16/3/2024****Ngày chấp nhận đăng bài: 29/3/2024*****Thông tin tác giả:*****1. TS. HÀ VĂN SỸ¹****2. ThS. PHẠM THỊ OANH¹****¹Khoa Quản trị kinh doanh, Đại học Công đoàn**

**FACTORS AFFECTING THE STUDENT'S
CHOICE OF UNIVERSITY MAJOR:
A CASE STUDY OF THE FACULTY OF BUSINESS
ADMINISTRATION, TRADE UNION UNIVERSITY**

● Ph.D **HA VAN SY¹**

● Master. **PHAM THI OANH¹**

¹Faculty of Business Management,
Trade Union University

ABSTRACT:

This study explored the factors affecting the student's choice of major in general and the Business Administration major at Trade Union University in particular. Through the study's quantitative research, the results showed that there are several factors affecting the student's choice of business administration major at Trade Union University. These factors are student personal factors, reference groups, training programs and supplementary activities, tuition fees, quality and reputation, local advantages, intention to study business administration, and demographic factors.

Keywords: onfluent factors, majors, business administration, Trade Union University.